

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM**

Bản án số: 38/2025/HNGĐ-ST
Ngày 26 - 6- 2025
V/v tranh chấp ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUY TIÊN - HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Quốc Vũ, ông Nguyễn Minh Tín.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Loan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 39/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bùi Thị H, sinh năm 1981;

* Bị đơn: Anh Lê Ngọc C, sinh năm 1976;

Cùng nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam

(Đều vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày: Chị và anh Lê Ngọc C đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện D (nay là xã T, thị xã D), tỉnh Hà Nam vào ngày 12/3/1999. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hoà thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chỉ vì những lý do nhỏ nhặt, giữa hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống nên dẫn đến mâu thuẫn bất đồng, giữa hai vợ chồng không còn tôn trọng nhau nên vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2003, chị về nhà bố mẹ đẻ ở đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn xin ly hôn anh C.

Về phía bị đơn anh Lê Ngọc C: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh C đã nhận được thông báo thụ lý vụ án cũng như giấy triệu tập đương sự của Tòa án để anh C biết đến Tòa án làm việc về yêu cầu xin ly hôn của chị H. Tại buổi làm việc ngày 20/5/2025 tại xã T, anh C trình bày quan điểm: Về điều kiện, thủ tục đăng ký kết hôn như chị H trình bày như trên. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hoà thuận được một thời gian thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng hay chửi bới nhau nên chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2003 đến nay. Nay chị H xin ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung của vợ chồng: Vợ chồng chị H, anh C có 01 con chung là cháu Lê Ngọc C1, sinh ngày 15/5/2000. Khi ly hôn chị H, anh C có quan điểm: cháu C1 đã trên 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

Theo kết quả xác minh, đại diện chính quyền địa phương cho biết: Anh Lê Ngọc C hiện có hộ khẩu và đang sinh sống tại thôn Đ, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam. Thời gian quan địa phương có nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, đã liên hệ đề nghị đặt cho anh C để nhận Thông báo thụ lý vụ án, anh C từ chối nhận và không ký vào biên bản giao nhận ký nhận mặc dù biết được yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H. Chị H và anh C đăng ký kết hôn hợp pháp tại xã Đ, huyện D (nay là xã T, thị xã D), tỉnh Hà Nam. Anh Lê Ngọc C, sinh ngày 17/6/1976 ghi trong giấy chứng nhận kết hôn và anh Lê Ngọc T (C), sinh năm 1977 ghi trong giấy khai sinh con chung cháu Lê Ngọc C1 và căn cước công dân hiện nay anh Lê Ngọc C, sinh ngày 15/7/1976 là một người. Quá trình chung sống chị H và anh C phát sinh nhiều mâu thuẫn, về nguyên nhân cụ thể địa phương không nắm rõ nhưng hiện tại được biết chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống từ năm 2003 đến nay không còn chung sống với anh C nữa. Vợ chồng chị H, anh C có 01 con chung là cháu Lê Ngọc C1, sinh ngày 15/5/2000. Nay cháu C1 đã trên 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được, phát triển bình thường. Nay chị H xin ly hôn anh C đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; **Điều 227; Điều 228, 238** Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H. Xử lý hôn giữa chị Bùi Thị H và anh Lê Ngọc C. Về con chung: Chị H, anh C có một con chung là cháu Lê Ngọc C1, sinh ngày 15/5/2000. Nay cháu C1 đã trên 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được, phát triển bình thường nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị H phải chịu theo luật định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm, sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Chị Bùi Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Lê Ngọc C có nơi cư trú tại xã T, thị xã D nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên

là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt chị Bùi Thị H và anh Lê Ngọc C, chị H, anh C đã có Đơn xin xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

- Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Lê Ngọc C kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo hộ.

Theo chị Bùi Thị H trình bày vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì giữa hai vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất hòa. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn chỉ là những lý do nhỏ nhặt, giữa hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống nên dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không quan tâm đến nhau và sống ly thân từ năm 2003 đến nay. Quá trình giải quyết Tòa án chị H có quan điểm do anh C gây khó khăn, không đến làm việc, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không thể hàn gắn nên chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải cho vợ chồng, nay chị H xin ly hôn, anh C không đồng ý ly hôn nhưng từ thời điểm vợ chồng sống ly thân đến nay các đương sự không đưa ra được biện pháp hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng vẫn tồn tại, vợ chồng vẫn sống ly thân từ năm 2003 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã tồn tại trong một thời gian mà không được cải thiện, vợ chồng sống ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần xử lý hôn giữa chị H và anh C là phù hợp thực tế và có căn cứ pháp luật tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Chị H, anh C xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Ngọc C1, sinh ngày 15/5/2000. Nay ly hôn chị H, anh C có quan điểm cháu C1 đã trên 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được, anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, công nợ, công sức: Do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 28; 35; 39; 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình;
- Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Bùi Thị H và anh Lê Ngọc C.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai số 0001613 ngày 12/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duy Tiên được đối trừ khi thi hành án.

Án xử công khai sơ thẩm; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam.
- VKSND thị xã Duy Tiên.
- Chi cục THA thị xã Duy Tiên.
- UBND xã Tiên Sơn.
- Các đương sự.
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Tươi